



CATALOGUE / TIẾNG VIỆT

INVERTER & LƯU TRỮ NĂNG LƯỢNG

Một hệ sinh thái. Nhiều cấu hình mạnh mẽ.



3-125 kW

Inverter hybrid

5-112.5 kWh

Danh mục lưu trữ

TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU VIỆT

HOTLINE / ZALO 0898.60.3366

TP.HCM: 58 Raymondienne, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Mỹ

Hà Nội: A2.10 BT120, KĐT Thanh Hà, Xã Bình Minh

Vinh: 16 Nguyễn Trãi, Thành phố Vinh, Nghệ An

samuraisolar.com.vn | 10/2026

Danh mục toàn hệ

Ba dòng inverter hybrid, pin lưu trữ điện áp thấp và hệ ESS mô-đun cho nhu cầu dân dụng, thương mại và công nghiệp.

H1-LV

Hybrid một pha cho gia đình | 3 / 3.6 / 5 / 6 / 8 / 10 / 12 kW

H3-HV-150

Hybrid ba pha cho thương mại & công nghiệp | 25 / 29.9 / 30 / 40 / 50 kW

H3-HV-300

Hybrid ba pha công suất lớn | 75 / 80 / 99 / 100 / 125 kW

BAT-LVDC

Pin lưu trữ điện áp thấp | 5 / 10 kWh

ESS

Hệ lưu trữ mô-đun thương mại & công nghiệp | 64.3 / 80.3 / 96.4 / 112.5 kWh

Cấu trúc mã Samurai

SMR-H1-[kW]-LV-[A]

SMR-H3-[kW]-HV-150 / HV-300

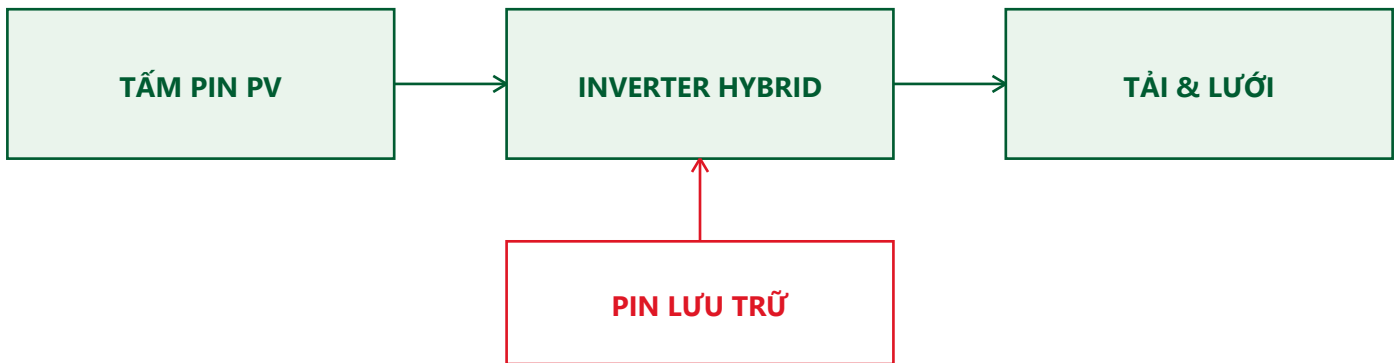
SMR-BAT-LVDC-[kWh]

SMR-BAT-HV-[kWh]

H1: hybrid một pha; H3: hybrid ba pha. LV/HV: nền tảng pin điện áp thấp/cao. Hậu tố dòng điện xác định nhóm khả năng sạc/xả; tra bảng model để biết giới hạn chính xác. Hệ hoàn chỉnh dùng cấu trúc SMR-ESS-[kW]-[kWh] theo cấu hình chốt của dự án.

Chọn đúng hệ. Khai thác đúng công suất.

Từ điện mặt trời áp mái đến nguồn dự phòng, inverter hybrid kết nối PV, pin lưu trữ và lưới điện trong cùng nền tảng quản lý.



Gia đình và phụ tải một pha

Chọn H1-LV theo công suất tải, dòng sạc/xả và số chuỗi PV. Kiểm tra điện áp vận hành và BMS của hệ pin LV; không ghép trực tiếp theo tên gọi 5/10 kWh.

Thương mại và công nghiệp

H3-HV-150 đáp ứng 25-50 kW. H3-HV-300 mở rộng 75-125 kW. Đối chiếu dải điện áp pin, giới hạn MPPT, tải ba pha và nhu cầu dự phòng trước khi chọn model.

Hệ ESS dạng mô-đun

Các dung lượng 64.3-112.5 kWh đi cùng thiết kế hệ tủ và inverter phù hợp. Kiểm tra điện áp xuyên suốt dải SOC, giao tiếp BMS, dòng điện và điều kiện môi trường; không mặc định mọi tổ hợp tương thích.

Lưu ý triển khai

Thi công bởi đơn vị kỹ thuật có năng lực. Tính chuỗi PV theo Voc ở nhiệt độ thấp nhất, dòng ngắn mạch và giới hạn vận hành MPPT. Công suất đỉnh dự phòng có giới hạn thời gian; không sử dụng như công suất liên tục.

H1-LV

Hybrid một pha cho gia đình

200%

Công suất PV tới

<4 ms

Chuyển sang dự phòng

IP66

Cấp bảo vệ

01 Cổng 3-trong-1: máy phát điện, tải thông minh hoặc inverter hòa lưới.

02 Vận hành micro-grid với inverter PV.

03 Hỗ trợ song song hòa lưới và độc lập, tối đa 6 thiết bị.

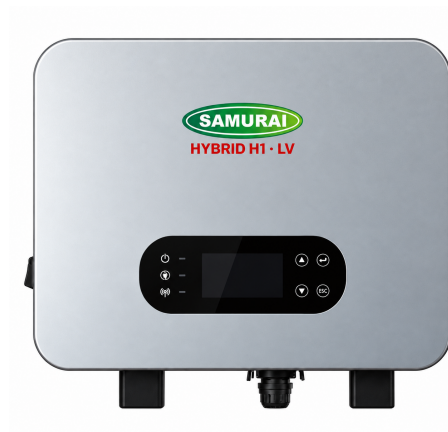
04 Dòng vào DC mỗi chuỗi đến 20 A; giới hạn theo model và cấu hình MPPT (*6).

05 Công suất đầu vào PV tới 200% công suất danh định.

06 AFCI dùng AI là tùy chọn, mua riêng.

07 Cấp bảo vệ IP66.

08 Điều khiển tải thông minh; chuyển sang nguồn dự phòng dưới 4 ms.



Mã sản phẩm

SMR-H1-3-LV-70 / SMR-H1-3.6-LV-90 / SMR-H1-5-LV-120 / SMR-H1-6-LV-140 / SMR-H1-8-LV-160 / SMR-H1-10-LV-200 / SMR-H1-12-LV-240

H1-LV | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-H1-3-LV-70 / SMR-H1-3.6-LV-90 / SMR-H1-5-LV-120

Thông số	SMR-H1-3-LV-70	SMR-H1-3.6-LV-90	SMR-H1-5-LV-120
Đầu vào pin lưu trữ			
Dòng sạc/xả liên tục tối đa (A)	70	90	120
Công suất sạc tối đa (kW)	3.0 *2	3.6 *2	5.0 *2
Công suất xả tối đa (kW)	3.3 *2	3.96 *2	5.5 *2
Đầu vào chuỗi PV			
Công suất vào tối đa (kW)	6.0	7.2	10.0
Dòng vào tối đa mỗi MPPT (A)	20	20	20
Dòng ngắn mạch tối đa mỗi MPPT (A)	26	26	26
Số bộ MPPT	1	2	2
Số chuỗi mỗi MPPT	1	1	1
Đầu ra AC hòa lưới			
Công suất ra danh định (kW)	3.0	3.6	5.0
Công suất tác dụng AC tối đa (kW) *7 *8	3.3	3.96 *9	5.5
Công suất biểu kiến phát lên lưới tối đa (kVA) *7 *8	3.3	3.96 *9	5.5
Công suất biểu kiến lấy từ lưới tối đa (kVA)	7.04	7.04	8.8
Dòng AC phát lên lưới tối đa (A)	15	18 *10	25
Dòng AC lấy từ lưới tối đa (A)	32	32	40
Đầu ra AC dự phòng			
Công suất biểu kiến dự phòng danh định (kVA)	3.0	3.6	5.0
Công suất biểu kiến tối đa khi không có lưới (kVA)	3.3 (6.0, 10s)	3.96 (7.2, 10s)	5.5 (10.0, 10s)
Công suất biểu kiến tối đa khi có lưới (kVA)	7.04	7.04	8.8
Dòng ra tối đa khi không có lưới (A)	15	18	25
Dòng ra tối đa khi có lưới (A)	32	32	40

Thông số	SMR-H1-3-LV-70	SMR-H1-3.6-LV-90	SMR-H1-5-LV-120
Đầu vào AC máy phát điện			
Công suất biểu kiến danh định từ máy phát (kVA)	3.0	3.6	5.0
Công suất biểu kiến tối đa từ máy phát (kVA)	3.3	3.96	5.5
Dòng AC tối đa từ máy phát (A)	32.0	32.0	40.0
Thông số chung			
Phương pháp làm mát	Đối lưu tự nhiên	Đối lưu tự nhiên	Đối lưu tự nhiên
Khối lượng (kg)	14.5	15.5	15.5
Kích thước R × C × S (mm)	560 × 415 × 204	560 × 415 × 204	560 × 415 × 204

H1-LV | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-H1-6-LV-140 / SMR-H1-8-LV-160

Thông số	SMR-H1-6-LV-140	SMR-H1-8-LV-160
Đầu vào pin lưu trữ		
Dòng sạc/xả liên tục tối đa (A)	140	160
Công suất sạc tối đa (kW)	6.0 *2	8.0 *3
Công suất xả tối đa (kW)	6.6 *2	8.8 *3
Đầu vào chuỗi PV		
Công suất vào tối đa (kW)	12.0	16.0
Dòng vào tối đa mỗi MPPT (A)	20	32 / 16 *6
Dòng ngắn mạch tối đa mỗi MPPT (A)	26	48 / 24
Số bộ MPPT	2	2
Số chuỗi mỗi MPPT	1	2 / 1
Đầu ra AC hòa lưới		
Công suất ra danh định (kW)	6.0	8.0
Công suất tác dụng AC tối đa (kW) *7 *8	6.6	8.8
Công suất biểu kiến phát lên lưới tối đa (kVA) *7 *8	6.6	8.8
Công suất biểu kiến lấy từ lưới tối đa (kVA)	8.8	16.5
Dòng AC phát lên lưới tối đa (A)	30	40
Dòng AC lấy từ lưới tối đa (A)	40	75
Đầu ra AC dự phòng		
Công suất biểu kiến dự phòng danh định (kVA)	6.0	8.0
Công suất biểu kiến tối đa khi không có lưới (kVA)	6.6 (12.0, 10s)	8.8 (16.0, 10s)
Công suất biểu kiến tối đa khi có lưới (kVA)	8.8	16.5
Dòng ra tối đa khi không có lưới (A)	30	40
Dòng ra tối đa khi có lưới (A)	40	75

Thông số	SMR-H1-6-LV-140	SMR-H1-8-LV-160
Đầu vào AC máy phát điện		
Công suất biểu kiến danh định từ máy phát (kVA)	6.0	8.0
Công suất biểu kiến tối đa từ máy phát (kVA)	6.6	8.8
Dòng AC tối đa từ máy phát (A)	40.0	50.0
Thông số chung		
Phương pháp làm mát	Đối lưu tự nhiên	Quạt thông minh
Khối lượng (kg)	15.5	27.0
Kích thước R × C × S (mm)	560 × 415 × 204	560 × 444.5 × 226

H1-LV | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-H1-10-LV-200 / SMR-H1-12-LV-240

Thông số	SMR-H1-10-LV-200	SMR-H1-12-LV-240
Đầu vào pin lưu trữ		
Dòng sạc/xả liên tục tối đa (A)	200	240
Công suất sạc tối đa (kW)	10.0 *3	12.0 *3
Công suất xả tối đa (kW)	11.0 *3	13.2 *3
Đầu vào chuỗi PV		
Công suất vào tối đa (kW)	20.0	24.0
Dòng vào tối đa mỗi MPPT (A)	32 / 32 *6	32 / 32 *6
Dòng ngắn mạch tối đa mỗi MPPT (A)	48 / 48	48 / 48
Số bộ MPPT	2	2
Số chuỗi mỗi MPPT	2 / 2	2 / 2
Đầu ra AC hòa lưới		
Công suất ra danh định (kW)	10.0	12.0
Công suất tác dụng AC tối đa (kW) *7 *8	11.0	13.2
Công suất biểu kiến phát lên lưới tối đa (kVA) *7 *8	11.0	13.2
Công suất biểu kiến lấy từ lưới tối đa (kVA)	16.5	16.5
Dòng AC phát lên lưới tối đa (A)	50	60
Dòng AC lấy từ lưới tối đa (A)	75	75
Đầu ra AC dự phòng		
Công suất biểu kiến dự phòng danh định (kVA)	10.0	12.0
Công suất biểu kiến tối đa khi không có lưới (kVA)	11.0 (20.0, 10s)	13.2 (24.0, 10s)
Công suất biểu kiến tối đa khi có lưới (kVA)	16.5	16.5
Dòng ra tối đa khi không có lưới (A)	50	60
Dòng ra tối đa khi có lưới (A)	75	75

Thông số	SMR-H1-10-LV-200	SMR-H1-12-LV-240
Đầu vào AC máy phát điện		
Công suất biểu kiến danh định từ máy phát (kVA)	10.0	12.0
Công suất biểu kiến tối đa từ máy phát (kVA)	11.0	13.2
Dòng AC tối đa từ máy phát (A)	54.5	54.5
Thông số chung		
Phương pháp làm mát	Quạt thông minh	Quạt thông minh
Khối lượng (kg)	29.0	29.0
Kích thước R × C × S (mm)	560 × 444.5 × 226	560 × 444.5 × 226

H1-LV | Thông số đầy đủ

Thông số áp dụng chung cho tất cả model trong dòng.

Thông số	Tất cả model
Đầu vào pin lưu trữ	
Loại pin *1	Li-Ion / Lead-acid
Điện áp pin danh định (V)	48
Dải điện áp pin (V)	40 ~ 60
Điện áp khởi động (V)	44.2
Số đầu vào pin	1
Đầu vào chuỗi PV	
Điện áp vào tối đa (V) *4	600
Dải điện áp MPPT (V) *5	60 ~ 550
Điện áp khởi động (V)	58
Điện áp vào danh định (V)	360
Đầu ra AC hòa lưới	
Điện áp ra danh định (V)	220 / 230 / 240
Dải điện áp ra (V)	170 ~ 280
Tần số lưới AC danh định (Hz)	50 / 60
Dải tần số lưới AC (Hz)	45 ~ 55 / 55 ~ 65
Hệ số công suất	~1; điều chỉnh từ 0.8 sớm pha đến 0.8 trễ pha
Tổng méo hài tối đa	<3%
Đầu ra AC dự phòng	
Điện áp ra danh định (V)	220 / 230 / 240
Tần số ra danh định (Hz)	50 / 60
THDv đầu ra với tải tuyến tính	<3%
Đầu vào AC máy phát điện	
Điện áp vào danh định (V)	220 / 230 / 240
Dải điện áp vào (V)	170 ~ 280
Tần số máy phát danh định (Hz)	50 / 60

Thông số	Tất cả model
Dải tần số máy phát (Hz)	45 ~ 55 / 55 ~ 65
Hiệu suất	
Hiệu suất tối đa	97.6%
Hiệu suất châu Âu	96.2%
Hiệu suất pin sang AC tối đa	95.5%
Hiệu suất MPPT	99.9%
Thông số chung	
Dải nhiệt độ vận hành (°C)	-35 ~ +60
Độ ẩm tương đối	0 ~ 95%
Độ cao vận hành tối đa (m)	3000
Giao diện người dùng	LCD, WLAN + APP
Giao tiếp BMS	CAN
Giao tiếp	RS485, WiFi + LAN + Bluetooth
Giao thức giao tiếp	Modbus-RTU, Modbus-TCP
Cấu trúc	Không cách ly
Cấp bảo vệ	IP66
Phương pháp lắp đặt	Gắn tường

H1-LV | Điều kiện & ghi chú

- *1: Pin lithium-ion gồm hai loại phổ biến: LFP và lithium ba thành phần.
- *2: Khi điện áp PV trên 500 V, công suất sạc/xả pin bị giới hạn dần; giới hạn được gỡ khi điện áp giảm.
- *3: Khi điện áp PV trên 490 V, công suất sạc/xả pin bị giới hạn dần; giới hạn được gỡ khi điện áp giảm.
- *4: Điện áp vào 560-600 V đưa inverter vào trạng thái chờ; hoạt động trở lại khi về dải MPPT.
- *5: Dải điện áp MPPT tại công suất danh định: xem hướng dẫn sử dụng.
- *6: Dòng tối đa mỗi chuỗi là 16 A ở các cấu hình có ký hiệu *6; MPPT hai chuỗi có giới hạn 16 A mỗi chuỗi.
- *7: Tại Sri Lanka, công suất ra tối đa bằng công suất danh định tương ứng 3 / 3.6 / 5 / 6 / 8 / 10 / 12 kW.
- *8: Tại Brazil và Chile, công suất AC ra tối đa bằng P_n; model 8 kW là 8000 W (VA).
- *9: Tại Jordan, công suất tác dụng và biểu kiến phát lên lưới tối đa của model 3.6 kW là 3.6 kW/kVA.
- *10: Tại Jordan, dòng AC phát lên lưới tối đa của model 3.6 kW là 15.7 A.

AFCI là chức năng tùy chọn; thiết bị/chức năng tùy chọn mua riêng. Liên hệ Samurai Solar để nhận chứng chỉ cập nhật.

Các giá trị áp dụng cho đúng model và cấu hình nêu trong từng bảng. Kích thước theo thứ tự rộng × cao × sâu. Chức năng tùy chọn không được hiểu là trang bị tiêu chuẩn.

H3-HV-150

Hybrid ba pha cho thương mại & công nghiệp

200%

Công suất PV tới

150% / 10s

Dự phòng đỉnh

<10 ms

Chuyển nguồn

01 Mở rộng tới 10 inverter song song.

02 Dòng sạc/xả cao 150 A; công suất PV tới 200%.

03 Đầu ra AC hỗ trợ mất cân bằng ba pha 100%.

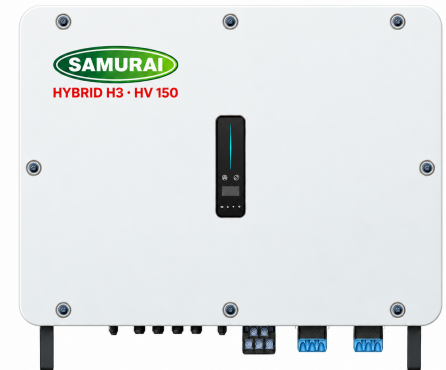
04 Công suất dự phòng đỉnh 150% trong 10 giây.

05 Hỗ trợ kết nối máy phát diesel.

06 Giá điện động 15 phút, ToU và cắt giảm công suất đỉnh.

07 Chuyển hòa lưới/độc lập dưới 10 ms.

08 IP66; SPD loại II phía AC và DC; chức năng dừng khẩn cấp.



Mã sản phẩm

SMR-H3-25-HV-150 / SMR-H3-29.9-HV-150 / SMR-H3-30-HV-150 / SMR-H3-40-HV-150 / SMR-H3-50-HV-150

H3-HV-150 | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-H3-25-HV-150 / SMR-H3-29.9-HV-150 / SMR-H3-30-HV-150

Thông số	SMR-H3-25-HV-150	SMR-H3-29.9-HV-150	SMR-H3-30-HV-150
Đầu vào PV			
Công suất mảng PV tối đa (kWp)	50	60	60
Pin lưu trữ			
Công suất sạc/xả tối đa (kW)	25/25	30/30	30/30
Phía lưới			
Công suất ra danh định (kW)	25	29.9	30
Công suất biểu kiến ra tối đa (kVA)	25	29.9	30
Công suất biểu kiến vào tối đa (kVA) **	50	60	60
Dòng AC vào tối đa (A)	75.8	90.9	90.9
Dòng ra danh định (A)	37.9/36.2/34.7	45.3/43.3/41.5	45.5/43.5/41.7
Dòng ra tối đa (A)	37.9	45.3	45.5
Phía dự phòng			
Công suất ra danh định (kW)	25	29.9	30
Công suất biểu kiến ra đỉnh (kVA)	37.5 @10s	45 @10s	45 @10s
Dòng ra danh định (A)	37.9/36.2/34.7	45.3/43.3/41.5	45.5/43.5/41.7
Phía máy phát điện			
Công suất biểu kiến vào tối đa (kVA)	30	36	36
Dòng vào tối đa (A)	45.5	54.5	54.5

H3-HV-150 | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-H3-40-HV-150 / SMR-H3-50-HV-150

Thông số	SMR-H3-40-HV-150	SMR-H3-50-HV-150
Đầu vào PV		
Công suất mảng PV tối đa (kWp)	80	100
Pin lưu trữ		
Công suất sạc/xả tối đa (kW)	40/40	50/50
Phía lưới		
Công suất ra danh định (kW)	40	50
Công suất biểu kiến ra tối đa (kVA)	40	50
Công suất biểu kiến vào tối đa (kVA) **	80	80
Dòng AC vào tối đa (A)	121.2	121.2
Dòng ra danh định (A)	60.6/58/55.6	75.8/72.5/69.4
Dòng ra tối đa (A)	60.6	75.8
Phía dự phòng		
Công suất ra danh định (kW)	40	50
Công suất biểu kiến ra đỉnh (kVA)	60 @10s	75 @10s
Dòng ra danh định (A)	60.6/58/55.6	75.8/72.5/69.4
Phía máy phát điện		
Công suất biểu kiến vào tối đa (kVA)	48	60
Dòng vào tối đa (A)	72.7	90.9

H3-HV-150 | Thông số đầy đủ

Thông số áp dụng chung cho tất cả model trong dòng.

Thông số	Tất cả model
Đầu vào PV	
Điện áp khởi động (V)	135
Điện áp PV vào tối đa (V) *	1000
Điện áp PV vào danh định (V)	620
Dải điện áp MPPT (V) *	200 ~ 950
Số bộ MPPT	4
Số chuỗi mỗi MPPT	2
Dòng vào tối đa mỗi MPPT (A)	40 × 4
Dòng ngắn mạch tối đa mỗi MPPT (A)	50 × 4
Pin lưu trữ	
Loại pin	Lithium-ion
Dải điện áp pin (V)	150 ~ 840
Số đầu vào pin	1
Dòng sạc/xả tối đa (A)	150 / 150
Phía lưới	
Điện áp AC danh định	3L/N/PE; 220/380; 230/400; 240/415 V
Tần số AC danh định (Hz)	50 / 60
THDi tại công suất danh định	<3%
Hệ số công suất	0.8 sớm pha đến 0.8 trễ pha
Phía dự phòng	
Thời gian chuyển hòa lưới/độc lập (ms)	<10
Điện áp ra danh định	3L/N/PE; 220/380; 230/400; 240/415 V
Tần số ra danh định (Hz)	50 / 60
THDv với tải tuyến tính	<3%
Phía máy phát điện	
Điện áp AC danh định	3L/N/PE; 220/380; 230/400; 240/415 V

Thông số	Tất cả model
Tần số AC danh định (Hz)	50 / 60
Hiệu suất	
Hiệu suất tối đa	97.60%
Hiệu suất châu Âu	97.10%
Hiệu suất MPPT	99.90%
Hiệu suất pin sang AC tối đa	97.50%
Hiệu suất PV sang pin tối đa	98.50%
Bảo vệ	
Bảo vệ tích hợp	Chống ngược cực DC; chống đấu ngược đầu vào pin; bảo vệ điện trở cách điện; chống sét lan truyền DC/AC: loại II/II; bảo vệ quá nhiệt; dòng dư; chống đảo lưới; quá áp AC; quá tải; ngắt mạch AC.
Thông số chung	
Kích thước R × C × S (mm)	919 × 739 × 305
Cấp bảo vệ	IP66
Tự tiêu thụ khi chờ (W)	<40
Cấu trúc	Không biến áp
Độ ồn (dB)	<65
Dải nhiệt độ vận hành (°C)	-30 ~ 60
Độ ẩm tương đối (%)	0 ~ 100
Khối lượng (kg)	90.5
Độ cao vận hành tối đa (m)	3000
Cấp quá áp	II (PV + Battery), III (Mains)
Làm mát	Quạt thông minh
Màn hình	OLED & LED
Giao tiếp	CAN, RS485

H3-HV-150 | Điều kiện & ghi chú

*: Điện áp PV vào vận hành tối đa là 950 V; vượt giới hạn này inverter ở trạng thái chờ.

** : Công suất biểu kiến vào tối đa là công suất lấy từ lưới để cấp tải dự phòng và sạc pin.

Các giá trị áp dụng cho đúng model và cấu hình nêu trong từng bảng. Kích thước theo thứ tự rộng × cao × sâu. Chức năng tùy chọn không được hiểu là trang bị tiêu chuẩn.

H3-HV-300

Hybrid ba pha công suất lớn

300 A

165 kVA / 10s

IP66 / C4

Sạc / xả

Dự phòng đỉnh

Cấp bảo vệ

01 PV oversizing 200%; dòng sạc/xả 300 A; dự phòng đỉnh 165 kVA trong 10 giây.

02 Dòng PV mỗi chuỗi đến 24 A; tuân thủ tổng dòng tối đa từng MPPT.

03 Hai cổng pin độc lập; hỗ trợ hòa lưới, độc lập và song song.

04 Hỗ trợ máy phát diesel, tải mất cân bằng 100% và tải nửa sóng.

05 AI EMS có dự báo PV; giá điện động, tối ưu ToU và điều khiển phát ngược.

06 Sáu chế độ vận hành cài sẵn.

07 IP66, chống ăn mòn C4, contactor 330 A.

08 Chuyển nguồn dưới 20 ms; quạt tự đảo chiều hỗ trợ loại bỏ bụi.



Mã sản phẩm

SMR-H3-75-HV-300 / SMR-H3-80-HV-300 / SMR-H3-99-HV-300 / SMR-H3-100-HV-300 / SMR-H3-125-HV-300

H3-HV-300 | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-H3-75-HV-300 / SMR-H3-80-HV-300 / SMR-H3-99-HV-300

Thông số	SMR-H3-75-HV-300	SMR-H3-80-HV-300	SMR-H3-99-HV-300
Đầu vào PV			
Công suất mảng PV tối đa (kWp)	150	160	200
Pin lưu trữ			
Công suất sạc/xả tối đa (kW)	75/75	80/80	100/100
Phía lưới (hòa lưới)			
Công suất ra danh định (kW)	75.0	80.0	99.0
Công suất biểu kiến ra tối đa (kVA)	75.0	80.0	99.0
Dòng ra danh định (A)	113.6/108.7/104.2	121.2/115.9/111.1	150.0/143.5/137.5
Dòng ra tối đa (A)	113.6	121.2	150.0
Phía dự phòng (độc lập)			
Công suất ra danh định (kW)	75.0	80.0	99.0
Dòng ra danh định (A)	113.6/108.7/104.2	121.2/115.9/111.1	150.0/143.5/137.5

H3-HV-300 | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-H3-100-HV-300 / SMR-H3-125-HV-300

Thông số	SMR-H3-100-HV-300	SMR-H3-125-HV-300
Đầu vào PV		
Công suất mảng PV tối đa (kWp)	200	250
Pin lưu trữ		
Công suất sạc/xả tối đa (kW)	100/100	125/125
Phía lưới (hòa lưới)		
Công suất ra danh định (kW)	100.0	125.0
Công suất biểu kiến ra tối đa (kVA)	100.0	125.0
Dòng ra danh định (A)	151.5/144.9/138.9	189.4/181.2/173.6
Dòng ra tối đa (A)	151.5	189.4
Phía dự phòng (độc lập)		
Công suất ra danh định (kW)	100.0	125.0
Dòng ra danh định (A)	151.5/144.9/138.9	189.4/181.2/173.6

H3-HV-300 | Thông số đầy đủ

Thông số áp dụng chung cho tất cả model trong dòng.

Thông số	Tất cả model
Đầu vào PV	
Điện áp PV vào tối đa (V) *	1000 *
Điện áp PV vào danh định (V)	620
Điện áp khởi động (V)	135
Dải điện áp MPPT (V) *	160 ~ 950 *
Số bộ MPPT	6
Số chuỗi mỗi MPPT	3
Dòng vào tối đa mỗi MPPT (A)	48 × 6
Dòng ngắn mạch tối đa mỗi MPPT (A)	60 × 6
Pin lưu trữ	
Loại pin	Pin lithium có BMS
Dải điện áp pin (V)	300 ~ 950
Số đầu vào pin	1 hoặc 2
Dòng sạc/xả tối đa (A)	300 hoặc 150 × 2
Phía lưới (hòa lưới)	
Điện áp AC danh định	3L/N/PE; 220/380; 230/400; 240/415 V
Tần số AC danh định (Hz)	50 / 60
Hệ số công suất	0.8 sớm pha đến 0.8 trễ pha
THDi tại công suất danh định	<3%
Công suất biểu kiến vào tối đa (kVA) **	207
Điện áp AC phía lấy từ lưới	3L/N/PE; 220/380; 230/400; 240/415 V
Tần số AC phía lấy từ lưới (Hz)	50 / 60
Dòng AC vào tối đa (A)	300
Phía dự phòng (độc lập)	
Công suất biểu kiến ra đỉnh (kVA)	165 @10s
Điện áp ra danh định	3L/N/PE; 220/380; 230/400; 240/415 V

Thông số	Tất cả model
Tần số ra danh định (Hz)	50 / 60
Thời gian chuyển hòa lưới/độc lập (ms)	<20
THDv với tải tuyến tính	<3%
Hiệu suất	
Hiệu suất MPPT	99.90%
Hiệu suất tối đa	98.00%
Hiệu suất châu Âu	97.80%
Bảo vệ	
Bảo vệ tích hợp	Chống ngược cực DC; chống đấu ngược đầu vào pin; bảo vệ điện trở cách điện; chống sét lan truyền DC: loại I+II; AC: loại II; bảo vệ quá nhiệt; dòng dư; chống đảo lưới; quá áp AC; quá tải; ngắn mạch AC.
Thông số chung	
Kích thước R × C × S (mm)	1232 × 932 × 356
Khối lượng (kg)	164
Cấp bảo vệ	IP66
Cấp chống ăn mòn	C4
Tự tiêu thụ khi chờ (W)	<35
Cấu trúc	Không biến áp
Dải nhiệt độ vận hành (°C)	-30 ~ 60
Độ ẩm tương đối (%)	0 ~ 100
Độ cao vận hành tối đa (m)	3000
Cấp quá áp	II (PV + Battery), III (Mains + Backup)
Làm mát	Quạt thông minh
Màn hình	LED & OLED
Giao tiếp	CAN, RS485

H3-HV-300 | Điều kiện & ghi chú

*: Điện áp PV vận hành tối đa 950 V. Inverter ngừng hoạt động khi điện áp 950-1000 V; vượt 1000 V có thể làm hỏng inverter.

** : Công suất biểu kiến vào tối đa là công suất lấy từ lưới để cấp tải dự phòng và sạc pin.

Các giá trị áp dụng cho đúng model và cấu hình nêu trong từng bảng. Kích thước theo thứ tự rộng × cao × sâu. Chức năng tùy chọn không được hiểu là trang bị tiêu chuẩn.

BAT-LVDC

Pin lưu trữ điện áp thấp

314 Ah

8000

5 / 10 kWh

Cell LFP

Chu kỳ

Dung lượng

01 Cell LFP 314 Ah; tuổi thọ 8000 chu kỳ.

02 Hỗ trợ quá tải 130% trong 10 giây.

03 Tương thích inverter một pha và ba pha điện áp thấp phù hợp.

04 Kết hợp các pin điện áp thấp khác nhau qua Mix Parallel Unit.

05 Chữa cháy aerosol là tùy chọn mua riêng; IP65 chỉ có trên model 10 kWh.

06 Dải nhiệt độ vận hành rộng -20°C đến 55°C.

07 Lắp sàn hoặc gắn tường; model 5 kWh có thể xếp chồng.

08 Cân bằng chủ động điện áp bộ pin và SOC.



Mã sản phẩm

SMR-BAT-LVDC-5 / SMR-BAT-LVDC-10

BAT-LVDC | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-BAT-LVDC-5 / SMR-BAT-LVDC-10

Thông số	SMR-BAT-LVDC-5	SMR-BAT-LVDC-10
Thông số pin & hệ thống		
Năng lượng danh định (kWh)	5.0	10.0
Năng lượng sử dụng được (kWh) *1	≥4.6	≥9.2
Dải điện áp bộ pin (V)	14.35 ~ 18.05	28.70 ~ 36.10
Điện áp bộ pin danh định (V)	16	32
Dòng vào hệ thống tối đa (A)	46	96
Dòng ra hệ thống tối đa (A)	50	100
Công suất vào/ra hệ thống tối đa (kW) *2	2.5	5
Công suất ra hệ thống đỉnh (kW) *2	3.75 (3s); 3.25 (10s)	7.5 (3s); 6.5 (10s)
Khối lượng (kg)	45	85
Cấp bảo vệ	IP20	IP65
Kích thước R × C × S (mm)	≤450 × 450 × 233	≤470 × 755 × 266
Phương pháp lắp đặt	Gắn tường, đặt sàn, xếp chồng	Gắn tường, đặt sàn

BAT-LVDC | Thông số đầy đủ

Thông số áp dụng chung cho tất cả model trong dòng.

Thông số		Tất cả model
Thông số pin & hệ thống		
Loại pin	LFP (LiFePO4)	
Dung lượng danh định (Ah)	314	
Dải điện áp vận hành hệ thống (V)	45 ~ 60	
Dòng bộ pin danh định (A)	157.0	
Dòng bộ pin tối đa (A)	165.0	
Chất chữa cháy sử dụng được	CO2, H2O	
Vật liệu chính	LiFePO4, C, Cu, LiPF6, Al, (C3H6)n	
Thời gian lưu kho tối đa	-20 ~ +35°C: ≤12 tháng; +35 ~ +45°C: ≤6 tháng	

BAT-LVDC | Điều kiện & ghi chú

*1: Điều kiện thử: DOD 100%, điện áp cell 2.87-3.61 V; sạc/xả 1.4 kW/2.8 kW tại $25 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ở đầu vòng đời hệ pin.

Năng lượng sử dụng được là giá trị thiết kế ban đầu. Năng lượng thực tế thay đổi theo tốc độ sạc/xả, môi trường (như nhiệt độ), vận chuyển và lưu kho.

*2: Công suất vào/ra tối đa và công suất đỉnh giảm theo nhiệt độ và SOC.

Aerosol là tùy chọn mua riêng; IP65 chỉ áp dụng 10 kWh. Điện áp bộ pin 16/32 V khác điện áp vận hành hệ thống 45-60 V; dùng đúng cấu hình giao tiếp/chuyển đổi của hệ.

Liên hệ Samurai Solar để nhận chứng chỉ cập nhật. Thiết kế/thông số có thể thay đổi theo chính sách cải tiến mà không báo trước.

Các giá trị áp dụng cho đúng model và cấu hình nêu trong từng bảng. Kích thước theo thứ tự rộng $\times$ cao $\times$ sâu. Chức năng tùy chọn không được hiểu là trang bị tiêu chuẩn.

ESS

Hệ lưu trữ mô-đun thương mại & công nghiệp

64.3-112.5 kWh

25-50 kW

150 A

Dung lượng

Inverter hybrid

Sạc / xả

01 Dòng sạc/xả 150 A, thích ứng chu kỳ công suất cao.

02 Mất cân bằng ba pha 100%; quá tải dự phòng 150% hỗ trợ tải khởi động.

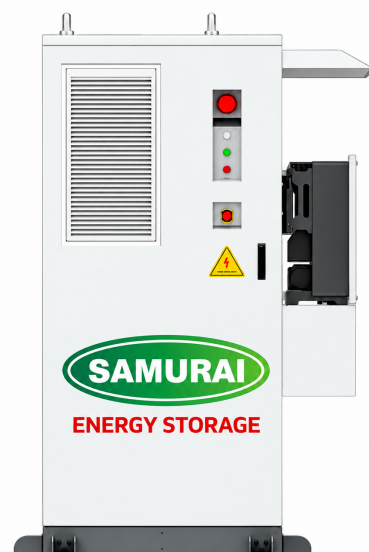
03 Dung lượng mô-đun 64.3 / 80.3 / 96.4 / 112.5 kWh; inverter 25 / 29.9 / 30 / 40 / 50 kW.

04 Bốn cấp bảo vệ an toàn cháy; inverter IP66 và tủ pin IP55.

05 SPD loại II phía AC và DC; chống ăn mòn C4 (C5 tùy chọn).

06 Nâng cấp từ xa; sáu chế độ vận hành.

07 ToU có tới 6 chế độ con và 24 khung giờ; hỗ trợ giá điện động.



Mã sản phẩm

SMR-BAT-HV-64.3 / SMR-BAT-HV-80.3 / SMR-BAT-HV-96.4 / SMR-BAT-HV-112.5

ESS | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-BAT-HV-64.3 / SMR-BAT-HV-80.3

Thông số	SMR-BAT-HV-64.3	SMR-BAT-HV-80.3
Pin mô-đun HV		
Số mô-đun pin	4 packs	5 packs
Năng lượng hệ pin (kWh)	64.3	80.3
Điện áp danh định (V)	204.8	256
Dải điện áp vận hành (V)	166.4 ~ 233.6	208 ~ 292
Khối lượng hệ thống (kg)	1101	1214

ESS | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-BAT-HV-96.4 / SMR-BAT-HV-112.5

Thông số	SMR-BAT-HV-96.4	SMR-BAT-HV-112.5
Pin mô-đun HV		
Số mô-đun pin	6 packs	7 packs
Năng lượng hệ pin (kWh)	96.4	112.5
Điện áp danh định (V)	307.2	358.4
Dải điện áp vận hành (V)	249.6 ~ 350.4	291.2 ~ 408.8
Khối lượng hệ thống (kg)	1327	1440

ESS | Thông số đầy đủ

Thông số áp dụng chung cho tất cả model trong dòng.

Thông số		Tất cả model
Pin mô-đun HV		
Loại cell		LiFePO4 / 314 Ah
Độ sâu xả		90%
Dòng sạc/xả tối đa (A)		150 / 150
Thông số chung của hệ tủ		
Kích thước R × C × S (mm)		1376 × 2262 × 1140
Cấp bảo vệ		Tủ: IP55; inverter: IP66
Cấp chống ăn mòn		C4 (C5 tùy chọn)
Cấu trúc		Không cách ly
Độ ồn (dB)		<65
Dải nhiệt độ vận hành (°C)		-20 ~ 55
Độ ẩm tương đối		5% ~ 95% RH, không ngưng tụ
Bảo vệ cháy		Aerosol (Novec1230 tùy chọn) / nước
Độ cao (m)		≤3000
Làm mát		Điều hòa: làm lạnh 2 kW và sưởi 2 kW
Màn hình		OLED & LED
Giao tiếp		CAN, RS485

ESS | Điều kiện & ghi chú

*: Điện áp PV vận hành tối đa 950 V; vượt giới hạn inverter ở trạng thái chờ.

Công suất PV khuyến nghị trong cấu hình ESS khác công suất mảng PV tối đa của inverter độc lập; sử dụng đúng bảng theo cấu hình.

Chọn tổ hợp inverter, dung lượng pin, điện áp vận hành và BMS theo thiết kế hệ thống; không mặc định mọi dung lượng ghép được với mọi inverter HV.

Các giá trị áp dụng cho đúng model và cấu hình nêu trong từng bảng. Kích thước theo thứ tự rộng × cao × sâu. Chức năng tùy chọn không được hiểu là trang bị tiêu chuẩn.

ESS / H3-HV-150 | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-H3-25-HV-150 / SMR-H3-29.9-HV-150 / SMR-H3-30-HV-150

Thông số	SMR-H3-25-HV-150	SMR-H3-29.9-HV-150	SMR-H3-30-HV-150
Đầu vào PV trong hệ ESS			
Công suất vào tối đa khuyến nghị (kWp)	40	48	48
Phía lưới trong hệ ESS			
Công suất ra danh định (kW)	25	29.9	30
Công suất biểu kiến ra tối đa (kVA)	25	29.9	30
Công suất biểu kiến vào tối đa (kVA)	50	60	60
Công suất sạc pin tối đa (kW)	25	29.9	30
Dòng ra danh định (A)	37.9/36.2/34.7	45.3/43.3/41.5	45.5/43.5/41.7
Phía dự phòng trong hệ ESS			
Công suất ra danh định (kW)	25	29.9	30
Công suất biểu kiến ra tối đa (kVA)	25	29.9	30
Dòng ra danh định (A)	37.9/36.2/34.7	45.3/43.3/41.5	45.5/43.5/41.7
Phía máy phát trong hệ ESS			
Công suất biểu kiến vào tối đa (kVA)	30	36	36
Công suất sạc pin tối đa (kW)	25	29.9	30
Dòng vào tối đa (A)	45.5	54.5	54.5

ESS / H3-HV-150 | Thông số đầy đủ

Nhóm model: SMR-H3-40-HV-150 / SMR-H3-50-HV-150

Thông số	SMR-H3-40-HV-150	SMR-H3-50-HV-150
Đầu vào PV trong hệ ESS		
Công suất vào tối đa khuyến nghị (kWp)	64	80
Phía lưới trong hệ ESS		
Công suất ra danh định (kW)	40	50
Công suất biểu kiến ra tối đa (kVA)	40	50
Công suất biểu kiến vào tối đa (kVA)	80	80
Công suất sạc pin tối đa (kW)	40	50
Dòng ra danh định (A)	60.6/58/55.6	75.8/72.5/69.4
Phía dự phòng trong hệ ESS		
Công suất ra danh định (kW)	40	50
Công suất biểu kiến ra tối đa (kVA)	40	50
Dòng ra danh định (A)	60.6/58/55.6	75.8/72.5/69.4
Phía máy phát trong hệ ESS		
Công suất biểu kiến vào tối đa (kVA)	48	60
Công suất sạc pin tối đa (kW)	40	50
Dòng vào tối đa (A)	72.7	90.9

ESS / H3-HV-150 | Thông số đầy đủ

Thông số áp dụng chung cho tất cả model trong dòng.

Thông số	Tất cả model
Đầu vào PV trong hệ ESS	
Điện áp khởi động (V)	135
Điện áp DC vào tối đa (V)	1000
Điện áp DC vào danh định (V) *	620
Dải điện áp MPPT (V)	200 ~ 950
Số bộ MPPT *	4
Số đầu vào DC mỗi MPPT	2
Dòng vào tối đa (A)	40 × 4
Dòng ngắn mạch tối đa (A)	50 × 4
Phía lưới trong hệ ESS	
Điện áp AC danh định	3L/N/PE; 220/380; 230/400; 240/415 V
Tần số AC danh định (Hz)	50 / 60
Hệ số công suất	0.8 sớm pha đến 0.8 trễ pha
Tổng méo hài tối đa tại công suất danh định	<3%
DCI	<0.5% In
Phía dự phòng trong hệ ESS	
Thời gian chuyển hòa lưới/độc lập (ms)	<10
Điện áp ra danh định	3L/N/PE; 220/380; 230/400; 240/415 V
Tần số ra danh định (Hz)	50 / 60
Méo hài điện áp tại công suất danh định	<3%
Phía máy phát trong hệ ESS	
Điện áp AC danh định	3L/N/PE; 220/380; 230/400; 240/415 V
Tần số AC danh định (Hz)	50 / 60
Hiệu suất trong hệ ESS	
Hiệu suất tối đa	97.60%
Hiệu suất châu Âu	97.10%
Hiệu suất MPPT	99.90%

Đồng hành cùng công trình của anh/chị.

TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU VIỆT

HOTLINE / ZALO 0898.60.3366

samuraisolar.com.vn

Trụ sở chính

58 Raymondienne, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Văn phòng làm việc

136A Bùi Văn Ba, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội

A2.10 BT120, Khu đô thị Thanh Hà, Xã Bình Minh, Hà Nội

Chi nhánh Vinh

16 Nguyễn Trãi, Thành phố Vinh, Nghệ An

samuraenergy.jsc@gmail.com

Catalogue & datasheet | Phiên bản 10/2026. Thông số, điều kiện và tính năng theo từng cấu hình trong tài liệu; tài liệu này không thay thế hướng dẫn lắp đặt, chứng chỉ và hồ sơ bảo hành của lô hàng.